

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN
THỰC PHẨM YÊN BÁI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 đã được kiểm toán
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

**CÔNG TY CỔ PHẦN
LÂM NÔNG SẢN
THỰC PHẨM YÊN
BÁI**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
DN: C=VN, S=YÊN BÁI, L=YÊN BÁI, O=P.KHDN,
OU=Trần Đăng Đoàn, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM
NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200116441
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2021-11-10 09:33:15

MỤC LỤC

| <u>Nội dung</u> | <u>Trang</u> |
|---|----------------|
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 – 4 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 – 6 |
| Báo cáo tài chính văn phòng công ty đã được kiểm toán | 7 – 33 |
| <i>Bảng cân đối kế toán văn phòng công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2021</i> | <i>7 – 10</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh văn phòng công ty năm 2021</i> | <i>11</i> |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ văn phòng công ty năm 2021</i> | <i>12 – 13</i> |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng công ty năm 2021</i> | <i>14 – 33</i> |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính văn phòng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái tiền thân là Công ty Chế biến Lâm nông sản Thực phẩm, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, được thành lập theo Quyết định số 53/QĐ – UB ngày 09/06/1994 do Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp.

Công ty Chế biến Lâm nông sản Thực phẩm chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 276/QĐ-UB ngày 27 tháng 08 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 1603000045 ngày 01 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 10 lần Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi vốn điều lệ, địa chỉ kinh doanh, người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 5200116441 được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 02 tháng 10 năm 2020.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 10: 52.360.230.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2021: 52.360.230.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam
Điện thoại : (0216) 3 862 278
Fax : (0216) 3 862 804
Email : yfatuf@gmail.com
Website : <http://yfatuf.com.vn>
Mã số thuế : 5 2 0 0 1 1 6 4 4 1

Các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|---|
| Nhà máy giấy Yên Bình | Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy giấy Văn Chấn | Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy giấy Minh Quân | Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc | Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy sản Văn Yên | Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn(*) | Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh | Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy giấy Yên Hợp | Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái |

(*) Nghị quyết của HDQT số 80/NQ-HDQT ngày 25/9/2021 quyết định chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn kể từ ngày 01/10/2021.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính văn phòng công ty tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Văn phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính văn phòng công ty đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 33).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nghị quyết của HĐQT số 80/NQ-HĐQT ngày 25/9/2021 quyết định chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn kể từ ngày 01/10/2021. Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Giám đốc Công ty triển khai thanh lý tài sản, chuyển nhượng toàn bộ tài sản của nhà máy cho khách hàng trả giá cao nhất so với giá sản do Công ty xây dựng.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không còn sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 9 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính văn phòng công ty này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-----------------------|----------------|
| Ông Trương Ngọc Biên | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Quốc Trình | Ủy viên |
| Ông Trần Công Bình | Ủy viên |
| Bà Hứa Minh Hồng | Ủy viên |
| Bà Hoàng Thị Bình | Ủy viên |

Ban Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|----------------------|----------------|--------------------------------------|
| Ông Lê Long Giang | Giám đốc | Bỏ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2021 |
| Ông Trần Công Bình | Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2021 |
| Ông Lê Long Giang | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Văn Trữ | Phó Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Huy Thông | Phó Giám đốc | |

Ban Kiểm Soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|------------------------|----------------|---|
| Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Trưởng ban | Bỏ nhiệm từ ngày 30 tháng 11 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Trưởng ban | Miễn nhiệm từ ngày 30 tháng 11 năm 2020 |
| Ông Lương Quốc Quyền | Thành viên | Miễn nhiệm từ ngày 30 tháng 11 năm 2020 |
| Ông Trần Sỹ Lâm | Thành viên | |
| Ông Phạm Tú Linh | Thành viên | Bỏ nhiệm từ ngày 30 tháng 11 năm 2020 |

Kế toán trưởng

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|----------------------|----------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Sơn | Kế toán trưởng | Bỏ nhiệm từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính văn phòng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính văn phòng công ty phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của văn phòng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính văn phòng công ty, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính văn phòng công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của văn phòng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng công ty.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ - CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT - BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Yên Bái, ngày 08 tháng 11 năm 2021

Thay mặt Ban Giám đốc,



Lê Long Giang

(Theo Giấy Ủy quyền số 16/HĐQT ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch HĐQT)

Số : 1301.01.04/2021/BCTC-NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Lâm Nông Sản Thực Phẩm Yên Bái**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính văn phòng Công ty kèm theo của Công ty Cổ phần Lâm Nông Sản Thực Phẩm Yên Bái, được lập ngày 08 tháng 11 năm 2021 từ trang 07 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Văn phòng Công ty, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn Phòng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lâm Nông Sản Thực Phẩm Yên Bái chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lâm Nông Sản Thực Phẩm Yên Bái tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh văn phòng công ty và tình hình lưu chuyển tiền tệ văn phòng công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng công ty.

Hà Nội, ngày 8 tháng 11 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNDKHNTK số: 1690-2018-124-1

Kiểm toán viên

Phạm Văn Tuấn

GCNDKHNTK số: 4497-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG CÔNG TY

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| A- TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 96.936.264.194 | 71.516.025.541 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 77.380.726.750 | 38.501.463.551 |
| 1. Tiền | 111 | | 10.280.726.750 | 2.901.463.551 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 67.100.000.000 | 35.600.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 18.759.129.117 | 32.184.162.132 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 5.315.931.242 | 17.602.389.535 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 370.287.604 | 4.777.985.700 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | 12.828.616.270 | 8.529.938.531 |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 249.951.551 | 1.279.505.916 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (5.657.550) | (5.657.550) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 499.300.256 | 355.514.796 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 499.300.256 | 355.514.796 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 297.108.071 | 474.885.062 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 297.108.071 | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 474.885.062 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bảng cân đối kế toán vãn phòng công ty (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 52.018.814.880 | 39.824.902.954 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 47.842.022.151 | 23.909.631.147 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 47.842.022.151 | 23.881.820.663 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 174.704.424.168 | 141.068.815.030 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (126.862.402.017) | (117.186.994.367) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | - | 27.810.484 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 171.000.000 | 171.000.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (171.000.000) | (143.189.516) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.355.035.700 | 14.867.653.360 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 1.355.035.700 | 14.867.653.360 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.821.757.029 | 1.047.618.447 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 2.821.757.029 | 1.047.618.447 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 148.955.079.074 | 111.340.928.495 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bảng cân đối kế toán vãn phòng (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C- | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 29.478.518.383 | 25.460.933.148 |
| I. | Nợ ngắn hạn | 310 | | 29.451.668.383 | 25.434.083.148 |
| 1. | Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11a | 4.003.559.410 | 4.329.766.851 |
| 2. | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 1.412.511.026 | 244.411.981 |
| 3. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 15.063.667.802 | 9.607.758.801 |
| 4. | Phải trả người lao động | 314 | | 5.127.348.375 | 7.557.301.085 |
| 5. | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.14 | 706.622.666 | 389.458.824 |
| 6. | Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15a | 1.460.484.656 | 1.013.246.079 |
| 10. | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.16 | 1.677.474.448 | 2.292.139.527 |
| 13. | Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. | Nợ dài hạn | 330 | | 26.850.000 | 26.850.000 |
| 1. | Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.11b | 1.850.000 | 1.850.000 |
| 2. | Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. | Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. | Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. | Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. | Phải trả dài hạn khác | 337 | V.15b | 25.000.000 | 25.000.000 |
| 8. | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. | Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. | Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. | Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bảng cân đối kế toán vắn phòng công ty (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 119.476.560.691 | 85.879.995.347 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 119.476.560.691 | 85.879.995.347 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 52.360.230.000 | 52.360.230.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 52.360.230.000 | 52.360.230.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 323.060.671 | 323.060.671 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 8.042.628.692 | 2.019.361.390 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 58.750.641.328 | 31.177.343.286 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 1.499.513.698 | 1.061.006.774 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 57.251.127.630 | 30.116.336.512 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 148.955.079.074 | 111.340.928.495 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Lương Quốc Quyền

Nguyễn Thanh Sơn



Lập biểu và ký ngày 11 tháng 11 năm 2021

Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẬN HÀNH CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN HÀNH CÔNG TY

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHI TIẾT | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 571.543.357.924 | 425.991.320.643 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 1.513.347.100 | 1.080.423.600 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 570.030.010.824 | 424.910.897.043 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 468.972.910.127 | 373.999.194.281 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 101.057.100.697 | 50.911.702.762 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.180.257.970 | 1.343.132.134 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 1.693.379.884 | 363.459.722 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1.525.328.840 | 227.072.619 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 10.598.513.685 | 114.867.513 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 17.777.272.058 | 23.731.375.160 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 72.168.193.040 | 28.045.132.501 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 355.625.791 | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 101.186.355 | 863.006.838 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 254.439.436 | (863.006.838) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 72.422.632.476 | 27.182.125.663 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.9 | 10.057.222.158 | 5.407.884.028 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 62.365.410.318 | 21.774.241.635 |

Người lập biên

Kế toán trưởng




Lương Quốc Quyền

Nguyễn Thanh Sơn



Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VẤN PHÒNG CÔNG TY

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|----------|----------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 72.422.632.476 | 27.182.125.663 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 11.792.018.461 | 7.277.192.952 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | (145.703.914) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 3.746.837 | (591.861) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1.113.166.518) | (601.544.222) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 1.525.328.840 | 227.072.619 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 84.630.560.096 | 33.938.551.237 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 10.030.137.440 | (672.091.255) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (143.785.460) | 419.231.490 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 4.151.816.644 | 477.264.712 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (2.071.246.653) | (82.796.383) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (1.525.328.840) | (227.072.619) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (9.979.311.853) | (4.734.997.887) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (3.023.972.000) | (1.427.610.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 82.068.869.374 | 27.690.479.295 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (24.067.491.442) | (21.985.207.009) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 1.114.960.000 | 350.780.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 711.070.865 | 971.040.467 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (22.241.460.577) | (20.663.386.542) |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẬN HÀNH CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ vận hành công ty (tiếp theo)

| CHI TIẾT | Mã Thuyết số minh | | | |
|--|----------------------|-------------------------|-------------------------|-----------------------|
| | | Năm nay | Năm trước | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - | |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 171.673.227.788 | 31.280.411.513 | |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (171.673.227.788) | (31.280.411.513) | |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | - | - | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (20.944.092.000) | (18.326.080.500) | |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | <i>(20.944.092.000)</i> | <i>(18.326.080.500)</i> | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 38.883.316.797 | (11.298.987.747) | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 38.501.463.551 | 49.800.454.732 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (4.053.598) | (3.434) | |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 77.380.726.750 | 38.501.463.551 |

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn

Lập, ngày 08 tháng 11 năm 2021

Giám đốc



Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẬN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẬN PHÒNG CÔNG TY Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
 - Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
 - Dịch vụ lưu trữ ngắn ngày;
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
 - Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
 - Cửa, xẻ, bào gỗ và bao quan gỗ;
 - Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
 - Sản xuất bao bì bằng gỗ;
 - Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ: sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
 - In ấn;
 - Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
 - Dịch vụ ăn uống khác;
 - Dịch vụ phục vụ đồ uống.
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế, các sản phẩm từ quế.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|---|
| Nhà máy giấy Yên Bình | Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy giấy Văn Chấn | Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy giấy Minh Quân | Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc | Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy sản Văn Yên | Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn(*) | Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh | Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy giấy Yên Hợp | Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái |

(*) Theo Nghị quyết của HĐQT số 80/NQ-HĐQT ngày 25/9/2021 quyết định chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn kể từ ngày 01/10/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu trên BCTC Văn phòng Công ty năm 2021 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC Văn phòng Công ty năm 2020

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Doanh nghiệp có 28 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 30 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của công ty được thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

Tỷ giá sử dụng để trình bày số liệu và thông tin so sánh năm trước như sau:

- Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán : tỷ giá chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 do Công ty thường xuyên có giao dịch với Ngân hàng này.
- Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ : tỷ giá chuyển khoản bình quân trong năm trước của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẬN HÀNH CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Vận hành Công ty (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẬN HÀNH CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Vận hành Công ty (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Riêng đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Vân Yên đây chuyên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 5 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 10 |

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

7. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Doanh nghiệp phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Doanh nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 1 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ

Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản Vay và nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản Vay và nợ thuê tài chính được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối năm khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh:

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty cổ nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan được thuyết minh tại VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG CÔNG TY****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 142.110.533 | 134.611.255 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 10.138.616.217 | 2.766.852.296 |
| Các khoản tương đương tiền | 67.100.000.000 | 35.600.000.000 |
| <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> | <i>67.100.000.000</i> | <i>35.600.000.000</i> |
| Cộng | <u>77.380.726.750</u> | <u>38.501.463.551</u> |

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD | 3.086.746.350 | 4.415.515.065 |
| Công ty TNHH JIN TAIR UANTARNG CO.,LTD | 515.402.100 | - |
| HTX tiêu thụ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Dừng Thành Phát | 484.182.240 | 724.999.440 |
| Công ty TNHH một thành viên QUAN - JIA | 276.135.277 | 277.178.547 |
| Công ty TNHH MTV TM và gia công Trung tin | 205.625.140 | 1.074.520.700 |
| Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình | 199.633.059 | 2.639.960.609 |
| Các khách hàng khác | 548.207.076 | 8.470.215.174 |
| Cộng | <u>5.315.931.242</u> | <u>17.602.389.535</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|-----------------------------|
| Công ty TNHH tư vấn đầu tư Nhật Minh Yên Bái | 100.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần may xuất khẩu Yên Bái | 96.200.000 | - |
| Công ty Cổ phần GEA Việt | 78.000.000 | 78.000.000 |
| Công ty Cổ phần tư vấn quy hoạch và PT công nghệ Á Châu | 75.000.000 | 75.000.000 |
| Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Thanh Hưng | - | 3.500.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 21.087.604 | 1.124.985.700 |
| Cộng | <u>370.287.604</u> | <u>4.777.985.700</u> |

4. Phải thu khác ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|---------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | - | 889.931.700 | - |
| Phải thu Ban Lãnh đạo - Tiền tạm ứng | - | - | 889.931.700 | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 249.951.551 | - | 389.574.216 | - |
| Thuế TNCN phải thu của người lao động | 9.933.880 | - | 5.656.212 | - |
| Tạm ứng | 125.000.000 | - | 273.000.000 | - |
| Phải thu lãi tiền gửi | 102.867.671 | - | 56.397.809 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 12.150.000 | - | 54.520.195 | - |
| Cộng | <u>249.951.551</u> | <u>-</u> | <u>1.279.505.916</u> | <u>-</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Vấn phòng Công ty (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

Là khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi quá hạn trên 3 năm của Công ty TNHH AISA Việt Nam.

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 417.583.510 | - | 199.950.585 | - |
| Thành phẩm | 81.716.746 | - | 155.564.211 | - |
| Cộng | 499.300.256 | - | 355.514.796 | - |

7. Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------|--------------------|------------|
| Công cụ dụng cụ | 297.108.071 | - |
| Cộng | 297.108.071 | - |

b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí bảo trì phần mềm, sửa xe và bảo hiểm | 47.052.740 | 113.777.559 |
| Công cụ dụng cụ tại Văn phòng | - | 87.025.000 |
| Chi phí sửa chữa đường ống nước thải và mái nhà xưởng tại Yên Bình | 132.191.875 | 250.301.611 |
| Chi phí sửa chữa NC VKT tại Phú Thịnh | 486.870.740 | 419.846.031 |
| Phí khai thác nước mặt và sửa chữa đường dây tại nhà máy Yên Hợp | 252.884.053 | 38.409.094 |
| Phí khai thác nước mặt và hệ thống thải Minh Quán | 107.695.919 | 138.259.152 |
| Cải tạo khu tập thể NM giấy Yên Bình | 345.924.091 | - |
| Công cụ dụng cụ tại nhà máy Sản Vân Yên | 99.457.573 | - |
| Cải tạo nhà cửa VKT NM sản Vân Yên | 303.451.450 | - |
| Sửa chữa đường vào dây 2 và đường nội bộ NM sản | 853.382.727 | - |
| Sửa chữa TBA 1250 KVA-NM sản | 104.209.500 | - |
| Lập hồ sơ cấp giấy phép xả thải Yên Bình, Yên Hợp, Vân Chấn | 88.636.361 | - |
| Cộng | 2.821.757.029 | 1.047.618.447 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Vấn phòng Công ty (tiếp theo)**8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 59.803.789.336 | 74.465.399.577 | 5.652.284.712 | 537.871.369 | 609.470.036 | 141.068.815.030 |
| Mua trong năm | 128.763.500 | 667.272.727 | 2.419.900.000 | - | - | 3.215.936.227 |
| Đầu tư XD CB hoàn thành | 10.138.542.896 | 23.027.904.551 | - | - | - | 33.166.447.447 |
| Thanh lý, nhượng bán | (243.638.173) | (1.140.000.000) | (1.097.136.363) | (266.000.000) | - | (2.746.774.536) |
| Số cuối năm | 69.827.457.559 | 97.020.576.855 | 6.975.048.349 | 271.871.369 | 609.470.036 | 174.704.424.168 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 47.084.988.837 | 48.804.370.379 | 1.831.157.440 | 88.450.000 | 609.470.036 | 98.418.436.692 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 52.724.647.624 | 59.067.904.866 | 4.374.476.423 | 410.495.418 | 609.470.036 | 117.186.994.367 |
| Khấu hao trong năm | 3.532.097.454 | 7.623.101.672 | 547.868.395 | 61.140.456 | - | 11.764.207.977 |
| Thanh lý, nhượng bán | (225.107.671) | (626.919.919) | (970.772.737) | (266.000.000) | - | (2.088.800.327) |
| Số cuối năm | 56.031.637.407 | 66.064.086.619 | 3.951.572.081 | 205.635.874 | 609.470.036 | 126.862.402.017 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 7.079.141.712 | 15.397.494.711 | 1.277.808.289 | 127.375.951 | - | 23.881.820.663 |
| Số cuối năm | 13.795.820.152 | 30.956.490.236 | 3.023.476.268 | 66.235.495 | - | 47.842.022.151 |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 18.460.090.809 VND và 817.088.518 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam- CN Yên Bái và Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Yên Bái.

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|--------------------|--------------------|--------------------|-----------------|
| Số đầu năm | 171.000.000 | 143.189.516 | 27.810.484 |
| Khấu hao trong năm | - | 27.810.484 | (27.810.484) |
| Số cuối năm | 171.000.000 | 171.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẬN HÀNH CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Vận hành Công ty (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển vào chi phí trả trước | Số cuối năm |
|--|-----------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------------------|----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | - | 239.585.500 | (239.585.500) | - | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 14.867.653.360 | 21.348.876.064 | (31.988.295.495) | (2.873.198.229) | 1.355.035.700 |
| Chi phí dự án cải tạo tổng thể nhà máy sản Vân Yên | 14.867.653.360 | 11.375.460.450 | (26.243.113.810) | - | - |
| Cải tạo khu tập thể NM giấy Yên Bình | - | 395.341.818 | - | (395.341.818) | - |
| Sửa chữa cải tạo nhà máy Phú Thịnh | - | 800.810.909 | (382.662.295) | (418.148.614) | - |
| Cải tạo, mở rộng hệ thống Biogas nhà máy sản Vân Yên | - | 4.468.331.435 | (2.870.772.654) | (1.597.558.781) | - |
| Chi phí cải tạo nhà máy gia công giấy NK Nguyễn Phúc | - | 1.005.645.500 | (1.005.645.500) | - | - |
| Giải phóng mặt bằng mở rộng nhà máy sản Vân Yên số 2 | - | 1.042.535.700 | - | - | 1.042.535.700 |
| Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Minh Quân | - | 2.260.750.252 | (1.486.101.236) | (462.149.016) | 312.500.000 |
| Cộng | 14.867.653.360 | 21.588.461.564 | (32.227.880.995) | (2.873.198.229) | 1.355.035.700 |

11. Phải trả người bán**a. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Công ty TNHH An Hoa | 448.800.000 | 448.800.000 | 482.625.000 | 482.625.000 |
| Công ty Cổ phần Đồng á | 440.254.430 | 440.254.430 | 85.695.786 | 85.695.786 |
| Công ty Cổ phần thương mại đầu tư Văn Long CDC | 400.872.120 | 400.872.120 | - | - |
| Công ty TNHH Thương Mại Phùng Hưng | 301.150.300 | 301.150.300 | 216.845.200 | 216.845.200 |
| Công ty Cổ phần Thăng Huy | 300.300.000 | 300.300.000 | 338.470.000 | 338.470.000 |
| Công ty Cổ phần Quốc Tế Thanh Bình | 199.650.000 | 199.650.000 | 590.700.000 | 590.700.000 |
| Công ty TNHH thương mại hóa chất Ngọc Diệp | 193.427.785 | 193.427.785 | 570.419.322 | 570.419.322 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.719.104.775 | 1.719.104.775 | 2.045.011.543 | 2.045.011.543 |
| Cộng | 4.003.559.410 | 4.003.559.410 | 4.329.766.851 | 4.329.766.851 |

b. Phải trả người bán dài hạn

Là khoản phải trả cho Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp HIC Vinh Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Công ty TNHH Thương mại Giang Biên | 418.552.635 | - |
| HTX tiêu thụ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Đức Thành Phát | 273.412.290 | - |
| Công ty TNHH một thành viên nông sản Đồng Hưng | 192.965.888 | - |
| Công ty cổ phần Bình Thiên Phú | 148.594.200 | - |
| Các khách hàng khác | 378.986.013 | 244.411.981 |
| Cộng | <u>1.412.511.026</u> | <u>244.411.981</u> |

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã nộp</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|----------------------------|-----------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 6.335.729.480 | 26.482.245.888 | (20.820.206.672) | 11.997.768.696 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.975.152.461 | 10.057.222.158 | (9.979.311.853) | 3.053.062.766 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 2.053.879.869 | (2.053.879.869) | - |
| Thuế tài nguyên | 10.433.880 | 265.520.210 | (263.117.750) | 12.836.340 |
| Tiền thuế đất | 286.442.980 | 193.104.217 | (479.547.197) | - |
| Các loại thuế khác | - | 11.000.000 | (11.000.000) | - |
| Cộng | <u>9.607.758.801</u> | <u>39.062.972.342</u> | <u>(33.607.063.341)</u> | <u>15.063.667.802</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|--------------------------------------|-----------------|
| Bã sẵn | Không chịu thuế |
| Giấy vàng mã, tinh bột sản xuất khẩu | 0 % |
| Sản phẩm tiêu thụ trong nước | 10 % |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số V1.9

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Phí bảo vệ môi trường | 198.730.582 | 334.458.824 |
| Tiền thuế đất năm 2021 | 452.892.084 | - |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 55.000.000 | 55.000.000 |
| Cộng | <u>706.622.666</u> | <u>389.458.824</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)**15. Phải trả khác****a. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 147.275.558 | 218.398.760 |
| Bảo hiểm xã hội | 791.880.959 | 720.241.118 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 460.000.000 | - |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 61.328.139 | 74.606.201 |
| Cộng | <u>1.460.484.656</u> | <u>1.013.246.079</u> |

b. Các khoản phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của các cá nhân, tổ chức:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Ông Hà Xuân Quảng | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Đỗ Cường | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Cộng | <u>25.000.000</u> | <u>25.000.000</u> |

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-----------------|-----------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 451.994.122 | 1.204.653.461 | (1.656.647.583) | - |
| Quỹ phúc lợi | 1.840.145.405 | 1.204.653.460 | (1.367.324.417) | 1.677.474.448 |
| Cộng | <u>2.292.139.527</u> | <u>2.409.306.921</u> | <u>(3.023.972.000)</u> | <u>1.677.474.448</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
BẢO CAO TÀI CHÍNH VÀ PHONG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|---------------------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 52.360.230.000 | 323.060.671 | 1.589.316.120 | 21.837.313.622 | 76.109.920.413 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 21.774.241.635 | 21.774.241.635 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 430.045.270 | (2.450.226.348) | (2.020.181.078) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | - | (18.326.080.500) | (18.326.080.500) |
| Chuyển lợi nhuận từ nhà máy về văn phòng | - | - | - | 8.342.094.877 | 8.342.094.877 |
| Số dư cuối năm trước | 52.360.230.000 | 323.060.671 | 2.019.361.390 | 31.177.343.286 | 85.879.995.347 |
| Số dư đầu năm nay | 52.360.230.000 | 323.060.671 | 2.019.361.390 | 31.177.343.286 | 85.879.995.347 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 62.365.410.318 | 62.365.410.318 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 6.023.267.302 | (8.432.574.223) | (2.409.306.921) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | - | (20.944.092.000) | (20.944.092.000) |
| Chuyển lợi nhuận từ nhà máy về văn phòng | - | - | - | (5.114.282.688) | (5.114.282.688) |
| Thường Ban lãnh đạo | - | - | - | (301.163.365) | (301.163.365) |
| Số dư cuối năm nay | 52.360.230.000 | 323.060.671 | 8.042.628.692 | 58.750.641.328 | 119.476.560.691 |



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ PHONG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)

b) Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành | 5.236.023 | 5.236.023 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành bán ra công chúng | 5.236.023 | 5.236.023 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 5.236.023 | 5.236.023 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 5.236.023 | 5.236.023 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 5.236.023 | 5.236.023 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

b) Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 30 tháng 11 năm 2020 như sau:

- Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền: 40% (tương đương 4.000 VND/ cổ phiếu);
- Trích lập Quỹ đầu tư, phát triển sản xuất: 20% lợi nhuận sau thuế;
- Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi: 8% lợi nhuận sau thuế;
- Chi thường ban lãnh đạo Công ty: 1% lợi nhuận sau thuế;

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)**18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán Văn phòng công ty**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| a. Tài sản nhận giữ hộ | | |
| Vật tư nhận gia công của Công ty giấy Kim Thành Tài | 2.301.855.743 | 4.834.537.696 |
| Vật tư nhận gia công của Công ty TNHH Giấy Lụa phẩm Đài Loan | 1.043.935.992 | 1.749.780.544 |
| Cộng | <u>3.345.791.735</u> | <u>6.584.318.240</u> |
| b. Ngoại tệ các loại | | |
| Dollar Mỹ (USD) | 398.621,77 | 60.861,95 |
| Cộng | <u>398.621,77</u> | <u>60.861,95</u> |
| c. Nợ khó đòi đã xử lý | | |
| Xi nghiệp Thương mại Dịch vụ Ánh Dương (1) | 237.948.479 | 237.948.479 |
| Công ty Cổ phần TM và ĐT phát triển Dòng Hà (2) | 56.285.614 | 56.285.614 |
| Công ty Cổ phần XD và TM Hùng Dũng (3) | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Công ty Cổ phần Năm Sao (4) | 16.500.000 | 16.500.000 |
| Chi nhánh điện Văn Chấn (5) | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Công ty TNHH Đức Việt Anh(6) | 399.583.932 | 399.583.932 |
| Cộng | <u>732.318.025</u> | <u>732.318.025</u> |

Nguyên nhân xóa nợ:

(1), (2), (3): Công nợ quá hạn đã lâu, nhà cung cấp không có khả năng thực hiện tiếp.

(4), (5), (6): Công nợ quá hạn đã lâu, Doanh nghiệp không có khả năng thu hồi

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VĂN PHÒNG CÔNG TY**1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 571.543.357.924 | 425.991.320.643 |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | 571.543.357.924 | 425.991.320.643 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | (1.513.347.100) | (1.080.423.600) |
| <i>Chiết khấu thương mại</i> | (1.513.347.100) | (1.080.423.600) |
| Cộng | <u>570.030.010.824</u> | <u>424.910.897.043</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 468.972.910.127 | 373.999.194.281 |
| Cộng | <u>468.972.910.127</u> | <u>373.999.194.281</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BAI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 757.540.727 | 1.027.438.276 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 304.165.074 | 315.101.997 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 591.861 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 118.552.169 | - |
| Cộng | <u>1.180.257.970</u> | <u>1.343.132.134</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay | 1.525.328.840 | 227.072.619 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 156.743.041 | 136.387.103 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 3.746.837 | - |
| Chi phí tài chính khác | 7.561.166 | - |
| Cộng | <u>1.693.379.884</u> | <u>363.459.722</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|------------------------------|---------------------------|
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 10.292.796.535 | 45.875.200 |
| Các chi phí khác | 305.717.150 | 68.992.313 |
| Cộng | <u>10.598.513.685</u> | <u>114.867.513</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 9.591.470.237 | 13.769.409.774 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 234.995.828 | 210.321.486 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 482.383.187 | 479.140.913 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 401.820.748 | 588.965.656 |
| Thuế, phí và lệ phí | 2.030.295.826 | 1.664.147.519 |
| Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc | 277.538.674 | 1.142.525.160 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.291.984.899 | 1.446.105.891 |
| Các chi phí khác | 3.466.782.659 | 4.430.758.761 |
| Cộng | <u>17.777.272.058</u> | <u>23.731.375.160</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 355.625.791 | - |
| Cộng | <u>355.625.791</u> | <u>-</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẬN HÀNH CÔNG TY

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Vận hành Công ty (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------|--------------------|
| Tiền thuế bị phạt, bị truy thu | 12.443.643 | 66.627.403 |
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 425.894.054 |
| Tiền thuê đất | - | 336.257.000 |
| Phạt do vi phạm hợp đồng | - | 8.027.744 |
| Chi phí khác | 88.742.712 | 26.200.637 |
| Cộng | 101.186.355 | 863.006.838 |

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 72.422.632.476 | 27.182.125.663 |
| <i>Lợi nhuận từ các nhà máy chuyển về vận phòng</i> | <i>(5.114.282.688)</i> | <i>8.342.094.877</i> |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 518.912.508 | 737.258.040 |
| <i>Lương thành viên HĐQT độc lập không điều hành</i> | <i>360.000.000</i> | <i>629.430.000</i> |
| <i>Nộp tiền phạt chậm nộp, truy thu thuế</i> | <i>12.443.643</i> | <i>66.627.403</i> |
| <i>Tiền trang phục cho thành viên HĐQT độc lập không điều hành</i> | - | 41.200.637 |
| <i>Chi phí khấu hao xe ô tô trên 1,6 tỷ</i> | <i>6.832.500</i> | - |
| <i>Các chi phí không hợp lệ khác</i> | <i>139.636.365</i> | - |
| Các khoản điều chỉnh giảm | 67.827.262.296 | 36.261.478.580 |
| Thu nhập chịu thuế | 67.827.262.296 | 36.261.478.580 |
| Thu nhập tính thuế | 67.827.262.296 | 36.261.478.580 |
| <i>Thu nhập tính thuế TNDN với thuế suất 10%</i> | <i>35.082.303.012</i> | <i>19.340.876.876</i> |
| <i>Thu nhập tính thuế TNDN với thuế suất 20%</i> | <i>32.744.959.284</i> | <i>16.920.601.704</i> |
| <i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i> | - | <i>89.676.000</i> |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 10.057.222.158 | 5.407.884.028 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------|--------------------|------------------|
| <i>Thu tiền tạm ứng Ban Lãnh đạo</i> | <i>889.931.700</i> | - |

Tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2021, Công ty không còn công nợ với các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

| Họ và Tên | Năm nay | | Tổng thu nhập |
|------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|
| | Thu nhập từ tiền lương | Thu nhập từ nhận cổ tức | |
| Ông Trương Ngọc Biên | 577.703.000 | 954.800.000 | 1.532.503.000 |
| Ông Trần Công Bình | 558.619.000 | 1.379.676.000 | 1.938.295.000 |
| Ông Lê Long Giang | 404.673.000 | 15.224.000 | 419.897.000 |
| Ông Nguyễn Văn Trữ | 404.778.000 | 42.792.000 | 447.570.000 |
| Ông Nguyễn Huy Thông | 374.771.222 | 87.760.000 | 462.531.222 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | 278.156.000 | 97.600.000 | 375.756.000 |
| Ông Trần Sỹ Lâm | 260.745.150 | 6.600.000 | 267.345.150 |
| Ông Phạm Tú Linh | 213.392.850 | - | 213.392.850 |
| Ông Nguyễn Thanh Sơn | 360.627.000 | 34.400.000 | 395.027.000 |
| Ông Nguyễn Quốc Trinh | 120.000.000 | 929.392.000 | 1.049.392.000 |
| Bà Hứa Minh Hồng | 120.000.000 | 1.009.324.000 | 1.129.324.000 |
| Bà Hoàng Thị Bình | 120.000.000 | 2.476.320.000 | 2.596.320.000 |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | 348.087.620 | 144.000.000 | 492.087.620 |
| Cộng | 4.141.552.842 | 7.177.888.000 | 11.319.440.842 |

2. Các sự kiện kết thúc sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết của HĐQT số 80/NQ-HĐQT ngày 25/9/2021 quyết định chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn kể từ ngày 01/10/2021.

3. Những thông tin khác

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty là số liệu trên Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 08 tháng 11 năm 2021

Giám đốc

Lương Quốc Quyền

Nguyễn Thanh Sơn

Lê Long Giang